

Số: 65/TB-MNHN

Long Biên, ngày 16 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai bảng lương hè tháng 7 năm 2022.

- Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Căn cứ vào bảng lương hè tháng 7 năm 2022 của trường Mầm non Hoa Mai;

1. Thành phần thực hiện niêm yết công khai:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| • Bà Trần Thị Nghĩa Quỳnh | Hiệu trưởng (Chủ trì) |
| • Bà Đào Thị Hải Yến | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Trần Thị Xuân Nhạn | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đặng Thị Lan Anh | TTVP |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Thắng | CTCĐ |
| • Bà Chu Thị Huệ | Trưởng Ban TTND |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổ trưởng tổ Bảo vệ |
| • Bà Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn -KTMNL |
| • Bà Nguyễn Thị Hường | Tổ trưởng tổ nuôi |
| • Bà Đỗ Thị Thu Huyền | Khối trưởng MGB |
| • Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Khối trưởng nhà trẻ |
| • Bà Phạm Phương Linh | BTCĐ |
| • Bà Dương Thị Hương Quỳnh | Kế toán (Thư ký) |

2. Nội dung công khai: Công khai danh sách chi cho CBGVNV hè tháng 7 năm 2022 (Có bảng lương kèm theo)

3. Hình thức niêm yết: Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

4. Địa điểm niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường (Tầng 1 – Khu hiệu bộ)

5. Thời gian niêm yết: Từ ngày 16 tháng 8 năm 2022 đến hết ngày 24 tháng 8 năm 2022.



Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 0968726466 (Đ/c Quỳnh – Kế toán) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnhoamai@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Nghĩa Quỳnh

DANH SÁCH CHI LƯƠNG HỀ THÁNG 7/2022

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY CÔNG LÀM HỀ	TIỀN LƯƠNG LÀM HỀ	TỔNG
	1	2	3	6=3*112.473	9
1	TRẦN THỊ NGHĨA QUỲNH	HT	13,5	1.540.162	1.540.162
2	TRẦN THỊ XUÂN NHẬN	PHT	18,0	2.053.548	2.053.548
3	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	PHT	15,0	1.711.292	1.711.292
4	CHU THỊ HUỆ	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
5	NGUYỄN THỊ MINH THẮNG	GV		500.000	500.000
6	CHU THỊ ĐÀO	GV	17,0	1.939.464	1.939.464
7	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	GV	15,0	1.711.292	1.711.292
8	TRẦN THỊ ÁNH	GV	14,0	1.597.205	1.597.205
9	TRẦN THỊ HOÀI PHƯƠNG	GV	16,5	1.882.421	1.882.421
10	HOÀNG THỊ HUYỀN	GV	12,0	1.369.033	1.369.033
11	NGUYỄN THỊ HUỆ	GV	17,5	1.996.507	1.996.507
12	VŨ THANH THUỶ	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
13	TRẦN THỊ HUYỀN	GV	14,0	1.597.205	1.597.205
14	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GV	15,0	1.711.292	1.711.292
15	HOÀNG THU HỒNG	GV	10,0	1.140.861	1.140.861
16	ĐÀO THỊ HỒNG PHƯƠNG	GV	13,0	1.483.119	1.483.119
17	ĐÀO THANH HUỆ	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
18	LƯU THỊ MAI VÂN	GV	13,0	1.483.119	1.483.119
19	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	GV	17,0	1.939.464	1.939.464
20	PHẠM PHƯƠNG LINH	GV	13,5	1.540.162	1.540.162
1	NGUYỄN THỊ HÀ	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
2	VŨ THỊ LƯƠNG	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	GV	14,0	1.597.205	1.597.205
	ĐẶNG THU HUỆ	GV	14,0	1.597.205	1.597.205
	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
	TRẦN THỊ THÚY VÂN	GV	14,0	1.597.205	1.597.205
	LÊ THÚY HƯỜNG	GV	7,0	798.603	798.603
	ĐẶNG THỊ TRÀ GIANG	GV	18,0	2.053.550	2.053.550
	HOÀNG NHẬT THƯƠNG	GV	12,5	1.426.076	1.426.076
	NGUYỄN THANH THÚY	GV	16,0	1.825.378	1.825.378
	NGUYỄN THỊ THU HÀ (YT)	YT	12,0	1.369.033	1.369.033
	ĐẶNG THỊ LAN ANH	VT	15,5	1.768.335	1.768.335
	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	GV	16,0	1.825.378	1.825.378
	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	BV		800.000	800.000
	NGUYỄN VĂN TRUNG	BV		800.000	800.000
	PHẠM VĂN DƯƠNG	BV		800.000	800.000
	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	CN	9,0	1.026.775	1.026.775
	BÙI THỊ KIM THANH	CN	16,0	1.825.378	1.825.378
	NGUYỄN THỊ YẾN	CN	10,0	1.140.861	1.140.861
	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	CN	15,0	1.711.292	1.711.292
	NGUYỄN VĂN QUYẾT	CN	16,0	1.825.378	1.825.378
	MAI THỊ TUYẾT PHƯƠNG	CN	11,0	1.254.947	1.254.947

43	LÊ THỊ HẠNH	CN	16,0		
44	ĐỖ THỊ THÚY NHẬN	CN	14,0	1.825.378	
45	DƯƠNG THỊ HƯƠNG QUỲNH	KT	16,0	1.597.205	
				1.825.376	
	TỔNG CỘNG		604,0	71.808.000	

KẾ TOÁN



Dương Thị Hương Quỳnh



Trần Thị Nghĩa Quỳnh